

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2013

Tháng 03, năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2013 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Ngọc Hòa	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24/05/2013
Ông Nguyễn Quang Việt	Thành viên	
Ông Đỗ Hoàng Khôi	Thành viên	
Ông Dương Thủy Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/05/2013
Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Thành viên	
Ông Lê Văn Danh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/05/2013

Ban Giám đốc điều hành

Ông Đỗ Hoàng Khôi	Tổng Giám đốc
Ông Dương Thủy Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tống Đức Chính	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Lương Thị Nguyệt	Trưởng phòng Tài chính kế toán
Ông Lương Quang Việt	Miễn nhiệm ngày 01/08/2013

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc điều hành khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

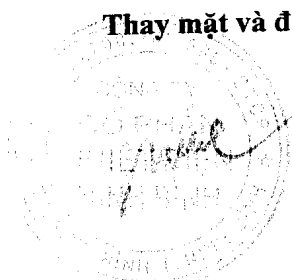
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05/04/2012.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đỗ Hoàng Khôi

Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 17 tháng 03 năm 2014



Số: /2014/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình, được lập ngày 17/03/2014, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

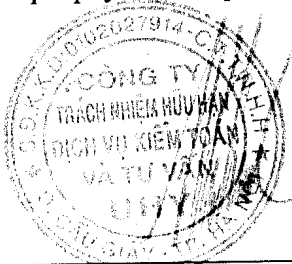
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Tự Trung

Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1226-2013-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Tuấn Vinh

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2067-2013-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2013

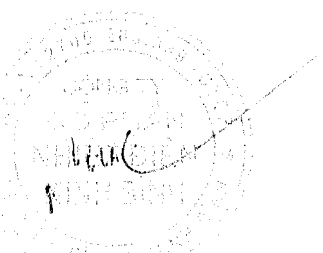
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		420.068.003.640	310.919.591.614
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	73.950.995.115	64.062.807.404
Tiền	111		2.978.693.828	2.724.519.491
Các khoản tương đương tiền	112		70.972.301.287	61.338.287.913
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.000.000.000	36.631.160.000
Đầu tư ngắn hạn	121	5	40.000.000.000	36.631.160.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176.885.990.495	144.874.684.702
Phải thu khách hàng	131	6	162.579.339.082	131.297.113.442
Trả trước cho người bán	132		548.036.258	144.524.131
Các khoản phải thu khác	135	7	13.758.615.155	13.433.047.129
Hàng tồn kho	140	8	121.558.430.967	64.430.918.898
Hàng tồn kho	141		122.000.220.213	65.035.650.928
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(441.789.246)	(604.732.030)
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.672.587.063	920.020.610
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		302.031.888	395.557.206
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	49.463.404
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		6.289.305.175	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.081.250.000	475.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.954.723.843	56.037.442.895
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		28.603.596.495	53.498.505.395
Tài sản cố định hữu hình	221	12	28.603.596.495	37.664.652.936
- Nguyên giá	222		437.674.697.298	439.606.535.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(409.071.100.803)	(401.941.882.080)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	-	15.833.852.459
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.500.000.000	2.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	10	2.500.000.000	2.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		851.127.348	38.937.500
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	851.127.348	38.937.500
TỔNG TÀI SẢN	270		452.022.727.483	366.957.034.509

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		231.475.779.732	154.581.620.306
Nợ ngắn hạn	310		231.388.217.945	154.494.058.519
Vay và nợ ngắn hạn	311	16	40.000.000.000	-
Phải trả người bán	312		138.463.895.809	77.999.311.806
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	4.945.100.942	9.476.588.883
Phải trả người lao động	315		31.463.438.564	34.820.900.227
Chi phí phải trả	316	14	3.236.076.988	21.712.122.253
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	4.624.784.985	4.595.260.490
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.654.920.657	5.889.874.860
Nợ dài hạn	330		87.561.787	87.561.787
Doanh thu chưa thực hiện	338		87.561.787	87.561.787
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		220.546.947.751	212.375.414.203
Vốn chủ sở hữu	410	17	220.546.947.751	212.375.414.203
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.655.000.000	128.655.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		18.349.086.757	17.721.171.757
Quỹ đầu tư phát triển	417		44.105.910.786	36.562.292.238
Quỹ dự phòng tài chính	418		12.711.800.208	12.711.800.208
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.725.150.000	16.725.150.000
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		452.022.727.483	366.957.034.509

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		186.078.801	186.078.801




Đỗ Hoàng Khôi
Tổng Giám đốc
Ninh Bình, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Lương Thị Nguyệt
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Lương Thị Thúy
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	866.624.925.423	626.714.537.504
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	18	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	866.624.925.423	626.714.537.504
 Giá vốn hàng bán	11	19	780.852.926.630	553.627.807.082
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		85.771.998.793	73.086.730.422
 Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	6.166.573.680	6.294.880.779
Chi phí tài chính	22		9.444.445	6.335.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.444.445	6.335.000
Chi phí bán hàng	24	21	395.101.943	702.341.500
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	49.249.174.943	44.309.717.478
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.284.851.142	34.363.217.223
Thu nhập khác	31	23	12.381.517.252	14.290.574.354
Chi phí khác	32	24	12.495.945.892	10.757.538.015
Lợi nhuận khác	40		(114.428.640)	3.533.036.339
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.170.422.502	37.896.253.562
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	10.523.348.982	9.528.128.664
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.647.073.520	28.368.124.898
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	2.460	2.205


Đỗ Hoàng Khôi
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 17 tháng 03 năm 2014


Lương Thị Nguyệt
Trưởng phòng Tài chính kế toán


Lương Thị Thúy
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		42.170.422.502	37.896.253.562
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		9.542.716.822	9.714.938.355
Các khoản dự phòng	3		(162.942.784)	(2.205.230.464)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(5.535.166.090)	(6.294.880.779)
Chi phí lãi vay	6		9.444.445	6.335.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		46.024.474.895	39.117.415.674
Tăng/ giảm các khoản phải thu	9		(32.395.497.080)	16.648.455.739
Tăng/ giảm hàng tồn kho	10		(57.127.512.069)	(10.559.565.949)
Tăng/ giảm các khoản phải trả	11		37.073.718.477	30.688.409.252
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12		(718.664.530)	179.261.337
Tiền lãi vay đã trả	13		-	(6.335.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(14.053.597.749)	(11.499.787.024)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		292.398.286	44.747.271
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.373.291.884)	(5.598.745.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		(23.277.971.654)	59.013.855.700
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(954.858.154)	(7.400.105.151)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		21.600.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(80.000.000.000)	(31.631.160.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		76.631.160.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27		4.270.610.449	6.056.492.682
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(31.487.705)	(32.974.772.469)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		627.915.000	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		40.000.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(180.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.430.267.930)	(7.718.942.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		33.197.647.070	(7.898.942.400)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		9.888.187.711	18.140.140.831
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		64.062.807.404	45.922.666.573
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	73.950.995.115	64.062.807.404

Đỗ Hoàng Khôi
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Lương Thị Nguyệt
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Lương Thị Thúy
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 31/12/2007. Ngày 25/10/2011, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ nhất, mã số doanh nghiệp 2700283389.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 128.655.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn./.*), chia thành 12.865.500 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó:

- Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty TNHH - Cổ đông vốn Nhà nước nắm giữ 7.045.440 cổ phần tương ứng với 70.454.400.000 đồng, chiếm 54,8% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 5.820.060 cổ phần, tương ứng với 58.200.600.000 đồng, chiếm 45,2% vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (NBP) được niêm yết từ ngày 06/08/2009 tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2013 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất điện;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất đất đèn, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng;
- Sửa chữa thiết bị điện. Chi tiết: Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, cơ, công trình kiến trúc nhà máy điện;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Đường dây và trạm biến áp;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư tài chính xây dựng các dự án nguồn điện;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị nhà máy điện;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Chi tiết: Lập dự án đầu tư, xây dựng, quản lý các dự án xây dựng, tư vấn giám sát thi công lắp đặt công trình.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

3.5 TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG

Công ty trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Công ty ghi nhận khoản đầu tư dài hạn khác theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận được chia sau ngày phát sinh các khoản đầu tư này được hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 35
Máy móc thiết bị sản xuất	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt chưa đưa vào sử dụng; các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu, đưa vào sử dụng và các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính.

3.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả là các khoản chi phí chưa phát sinh thực tế nhưng có liên quan đến kỳ báo cáo chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định. Đối với Tài sản cố định là thiết bị, phương tiện chuyên ngành có quy định kỹ thuật về sửa chữa định kỳ được Công ty trích trước chi phí sửa chữa và hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ trên tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và quyết toán theo số thực tế phát sinh tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định hàng tháng căn cứ vào biên bản bàn giao sản lượng điện giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình với Công ty Mua bán điện (được Tập đoàn Điện lực Việt Nam ủy quyền) và giá bán điện thỏa thuận trên hợp đồng mua bán điện số 06-2012/HĐ-NMD-NB ngày 29/06/2012 giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Theo đó, giá bán điện đang áp dụng cho 4 tháng đầu năm 2013 là 398,74 đồng/Kwh, giá biến đổi cơ sở năm 2013 là 646,75 đồng/Kwh và được điều chỉnh theo giá nhiên liệu than. Ngày 05/02/2013, Tập đoàn Điện lực Việt Nam ra Nghị quyết số 81/NQ-HĐTV thông qua phương án giá điện các Nhà máy điện của các Công ty phát điện. Theo Nghị quyết này, giá bán điện Công ty đang tạm tính năm 2013 là 404,6 đồng/Kwh, giá biến đổi cơ sở năm 2013 là 973,47 đồng/Kwh và được điều chỉnh theo giá nhiên liệu than.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.10 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các đơn vị mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 là 25%.

Thu nhập chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định thu nhập chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan Thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	595.080.900	158.244.200
Tiền gửi ngân hàng	2.383.612.928	2.566.275.291
Các khoản tương đương tiền (*)	70.972.301.287	61.338.287.913
Cộng	73.950.995.115	64.062.807.404

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

5 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	40.000.000.000	31.631.160.000
Cho Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình vay	-	5.000.000.000
Cộng	40.000.000.000	36.631.160.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm tại các Ngân hàng thương mại.

6 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Mua bán điện	159.836.784.619	129.630.969.501
Phải thu khách hàng khác	2.742.554.463	1.666.143.941
Cộng	162.579.339.082	131.297.113.442

7 CÁC KHOẢN PHẢI PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	137.623.762	92.620.103
Phải thu khác	13.620.991.393	13.340.427.026
+ Ban Quản lý Dự án 300MW	11.745.869.074	11.628.824.381
+ Thuế thu nhập cá nhân	358.274.000	370.390.746
+ Lãi tiền cho vay, lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	1.058.663.289	886.067.980
+ Phải thu khác tại phân xưởng phụ	6.303.954	29.521.792
+ Tiền sửa độc hại	193.460.832	137.021.805
+ Tiền ăn ca	83.505.000	83.595.000
+ Tiền quỹ công đoàn	150.000.000	150.000.000
+ Phải thu khác	24.915.244	55.005.322
Cộng	13.758.615.155	13.433.047.129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	5.553.478.974	4.529.019.313
Nguyên liệu, vật liệu	115.452.887.113	58.849.675.342
Công cụ, dụng cụ	573.288.093	525.171.641
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	67.160.996	549.644.522
Thành phẩm	189.863.305	558.620.110
Hàng hoá	163.541.732	23.520.000
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	122.000.220.213	65.035.650.928
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(441.789.246)	(604.732.030)
Giá trị thuần có thể thực hiện hàng tồn kho	121.558.430.967	64.430.918.898

9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	15.833.852.459
+ Trung tu lò hơi số 1	-	10.340.993.740
+ Trung tu tua bin số 4	-	5.492.858.719
Cộng	-	15.833.852.459

10 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc theo Nghị quyết của HĐQT Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Bản cam kết góp vốn số 137/NĐNB-TCLĐ ngày 23/02/2008 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình với số tiền là 2.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn), tương ứng với 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Giá trị còn lại của Tài sản phân loại sang	264.793.028	-
Giá trị còn lại của Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	505.970.684	38.937.500
Chi phí khác	80.363.636	-
Cộng	851.127.348	38.937.500

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

Phường Thanh Bình, Tp. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2013	84.496.877.359	332.121.251.144	19.924.298.899	3.064.107.614	439.606.535.016
- Mua trong năm	-	433.160.455	-	249.300.000	682.460.455
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(105.135.850)	(105.135.850)
- Giảm khác (*)	-	(1.285.001.345)	(233.090.161)	(991.070.817)	(2.509.162.323)
31/12/2013	<u>84.496.877.359</u>	<u>331.269.410.254</u>	<u>19.691.208.738</u>	<u>2.217.200.947</u>	<u>437.674.697.298</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2013	67.524.305.934	318.816.712.891	13.346.382.247	2.254.481.008	401.941.882.080
- Khấu hao trong năm	4.530.979.031	3.285.954.718	1.445.297.966	280.485.107	9.542.716.822
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(105.135.850)	(105.135.850)
- Giảm khác (*)	-	(1.218.632.963)	(173.651.593)	(916.077.693)	(2.308.362.249)
31/12/2013	<u>72.055.284.965</u>	<u>320.884.034.646</u>	<u>14.618.028.620</u>	<u>1.513.752.572</u>	<u>409.071.100.803</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2013	<u>16.972.571.425</u>	<u>13.304.538.253</u>	<u>6.577.916.652</u>	<u>809.626.606</u>	<u>37.664.652.936</u>
31/12/2013	<u>12.441.592.394</u>	<u>10.385.375.608</u>	<u>5.073.180.118</u>	<u>703.448.375</u>	<u>28.603.596.495</u>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 303.554.894.097 đồng;

(*) Giảm khác theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình theo hợp đồng tín dụng số 03/2013-HĐTD/NHCT400-NHAMAYDIEN ngày 30/12/2013, thời hạn cho vay là 1 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất thả nổi, mục đích vay dùng để thanh toán tiền than và cước vận chuyển than, tài sản thế chấp là các chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình.

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.773.348.982	8.171.128.664
Thuế thu nhập cá nhân	-	204.301.019
Thuế tài nguyên	171.751.960	263.557.200
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	837.602.000
Cộng	4.945.100.942	9.476.588.883

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản	-	15.833.852.462
Tiền thưởng tiết kiệm nhiên liệu	2.929.302.188	5.557.721.386
Chi phí sửa độc hại	192.930.360	130.472.981
Chi phí lãi vay trích trước	9.444.445	-
Chi phí phải trả khác	104.399.995	190.075.424
Cộng	3.236.076.988	21.712.122.253

16 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	232.089	17.007.347
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.624.552.896	4.578.253.143
+ Phải trả văn phòng Dự án	2.899.863.781	2.899.863.781
+ Cổ tức trả cho cổ đông chưa lưu ký	298.922.500	318.922.500
+ Quỹ ủng hộ người nghèo	227.327.044	227.327.044
+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam về tài sản tạm tăng	159.517.573	159.517.573
+ Cổ tức năm 2012 phải trả	143.691.600	-
+ Cổ tức năm 2011 phải trả	107.038.100	120.948.100
+ Cổ tức năm 2010 phải trả	243.575.580	266.806.330
+ Cổ tức năm 2008 phải trả	425.389.539	-
+ Phải trả khác	119.227.179	584.867.815
Cộng	4.624.784.985	4.595.260.490

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 128.655.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn./), chia thành 12.865.500 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết như sau:

TT	Cổ đông	31/12/2013		01/01/2013	
		Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
1.	Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty TNHH	70.454.400.000	54,8%	70.454.400.000	54,8%
2.	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	29.779.000.000	23,1%	28.400.000.000	22,1%
3.	Cổ đông khác	28.421.600.000	22,1%	29.800.600.000	23,2%
	Cộng	128.655.000.000	100,0%	128.655.000.000	100,0%

17.2 CỔ PHIẾU

	31/12/2013	01/01/2013
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	12.865.500	12.865.500
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	12.865.500	12.865.500
+ Cổ phiếu thường	12.865.500	12.865.500
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.865.500	12.865.500
+ Cổ phiếu thường	12.865.500	12.865.500
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

Phường Thanh Bình, Tp. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**17.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
01/01/2012	128.655.000.000	6.767.436.030	41.796.678.046	11.293.393.963	16.725.150.000	205.237.658.039
- Lãi trong năm	-	-	-	-	28.368.124.898	28.368.124.898
- Trích lập quỹ năm 2012	-	-	5.719.349.919	1.418.406.245	(11.642.974.898)	(4.505.218.734)
- Trả cổ tức năm 2011	-	-	-	-	(16.725.150.000)	(16.725.150.000)
- Kết chuyển nguồn hình thành TSCĐ	-	10.953.735.727	(10.953.735.727)	-	-	-
31/12/2012	128.655.000.000	17.721.171.757	36.562.292.238	12.711.800.208	16.725.150.000	212.375.414.203
01/01/2013	128.655.000.000	17.721.171.757	36.562.292.238	12.711.800.208	16.725.150.000	212.375.414.203
- Lãi trong năm	-	-	-	-	31.647.073.520	31.647.073.520
- Tạm trích quỹ năm 2013 (*)	-	-	8.171.533.548	-	(14.789.454.435)	(6.617.920.887)
- Trả cổ tức năm 2012 (**)	-	-	-	-	(16.725.150.000)	(16.725.150.000)
- Kết chuyển nguồn hình thành TSCĐ	-	627.915.000	(627.915.000)	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(132.469.085)	(132.469.085)
31/12/2013	128.655.000.000	18.349.086.757	44.105.910.786	12.711.800.208	16.725.150.000	220.546.947.751

(*) Công ty đang thực hiện tạm trích lập các quỹ năm 2013, khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh lại việc phân phối quỹ theo Nghị quyết này.

(**) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Công ty năm 2013 số 294/NQ-ĐHCĐ ngày 24/05/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	866.624.925.423	626.714.537.504
Trong đó:		
+ Doanh thu bán hàng	866.624.925.423	626.073.174.289
- Doanh thu bán điện	851.811.175.069	606.729.955.429
- Doanh thu bán sản phẩm khác	14.813.750.354	19.343.218.860
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	641.363.215
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	866.624.925.423	626.714.537.504

19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn sản xuất điện	767.191.421.881	535.072.298.136
Giá vốn bán sản phẩm khác	13.661.504.749	18.144.171.030
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	411.337.916
Cộng	780.852.926.630	553.627.807.082

20 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	5.866.573.680	6.019.880.779
Cổ tức được chia	300.000.000	275.000.000
Cộng	6.166.573.680	6.294.880.779

21 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí vật liệu, bao bì bán hàng	44.669.943	170.415.500
Chi phí hàng hóa, dịch vụ mua ngoài	324.677.000	421.315.000
Chi phí bằng tiền khác	25.755.000	110.611.000
Cộng	395.101.943	702.341.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	24.152.557.602	21.816.963.717
Chi phí vật liệu quản lý	299.106.708	262.666.570
Chi phí đồ dùng văn phòng	547.287.590	411.306.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.293.314.743	2.139.930.308
Thuế phí, lệ phí	1.252.200.750	1.185.108.049
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.094.142.583	1.817.845.588
Chi phí bằng tiền khác	7.951.652.451	6.546.857.835
Thưởng tiết kiệm nhiên liệu	6.408.479.431	6.613.703.016
Chi phí khác	4.250.433.085	3.515.335.461
Cộng	49.249.174.943	44.309.717.478

23 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu từ khoản chi Ban QLDA NMNĐ Thái Bình 2	7.328.955.445	7.801.705.840
Doanh thu bán xỉ	2.376.749.100	2.221.498.000
Cho thuê nhà và kiot	641.363.638	-
Tiền bán hồ sơ thầu	28.918.185	7.272.728
Cho thuê bến đỗ, cầu cảng	57.495.283	60.322.910
Thu từ cho thuê ca xe	380.937.601	391.865.509
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	1.972.914.591
Nhượng bán, thu hồi phế liệu	1.552.120.000	1.827.987.525
Thu nhập khác	14.978.000	7.007.251
Cộng	12.381.517.252	14.290.574.354

24 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí cho Ban QLDA NMNĐ Thái Bình 2	7.328.955.537	7.801.705.840
Chi phí cho tổ vận tro xỉ	2.432.298.387	2.081.310.384
Chi phí cho thuê nhà và kiot	308.829.779	-
Chi phí cảng, bến bãi	-	100.942.900
Chi phí mở thầu	-	28.650.000
Chi phạt chậm nộp	41.540.791	377.144.531
Chi phí cho thuê ca xe	163.035.331	225.545.059
Chi bán phế liệu, thanh lý tài sản	2.183.527.590	139.919.000
Các khoản chi khác	37.758.477	2.320.301
Cộng	12.495.945.892	10.757.538.015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	42.170.422.502	37.896.253.562
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(77.026.573)	216.261.092
- Cộng: Chi phí không được trừ	222.973.427	491.261.092
- Trừ: Cổ tức nhận được không chịu thuế	300.000.000	275.000.000
Thu nhập chịu thuế	42.093.395.929	38.112.514.654
Thuế suất	25%	25%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	10.523.348.982	9.528.128.664

26 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.647.073.520	28.368.124.898
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	31.647.073.520	28.368.124.898
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	12.865.500	12.865.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.460	2.205

27 THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình là Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Trong năm, các nghiệp vụ và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

27.1 CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Doanh thu với các bên liên quan	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Bán điện cho Công ty Mua bán điện	851.785.604.062	606.709.151.830
Bán điện cho Ban QLDA NMNĐ Thái Bình 2	25.571.007	20.803.599
Dịch vụ cung cấp cho Ban QLDA NMNĐ Thái Bình 2	7.328.955.445	7.801.705.840
Cộng	859.140.130.514	614.531.661.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27 THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

27.2 SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

<i>Phải thu khách hàng</i>	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Mua bán điện	159.836.784.619	129.630.969.501
	159.836.784.619	129.630.969.501
 <i>Các khoản phải trả</i>	 31/12/2013	 01/01/2013
	VND	VND
Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty TNHH	3.059.381.354	3.059.381.354
Trong đó:		
- Phải trả về tiền Văn phòng Dự án	2.899.863.781	2.899.863.781
- Phải trả khác	159.517.573	159.517.573
Cộng	3.059.381.354	3.059.381.354

28 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.12.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.950.995.115	64.062.807.404
Đầu tư ngắn hạn	40.000.000.000	36.631.160.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	176.337.954.237	144.730.160.571
Đầu tư dài hạn	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	292.788.949.352	247.924.127.975
 Công nợ tài chính		
Các khoản vay	40.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	143.088.680.794	82.594.572.296
Chi phí phải trả	3.236.076.988	5.878.269.791
Cộng	186.324.757.782	88.472.842.087

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***28 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty đã thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC (Thông tư 210) ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về Trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có thể có rủi ro tín dụng với các khách hàng bởi vì các khoản phải thu tập trung ở một số lượng ít khách hàng.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	143.088.680.794	-	143.088.680.794
Chi phí phải trả	3.236.076.988	-	3.236.076.988
Cộng	186.324.757.782	-	186.324.757.782

01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	82.594.572.296	-	82.594.572.296
Chi phí phải trả	5.878.269.791	-	5.878.269.791
Cộng	88.472.842.087	-	88.472.842.087

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.950.995.115	-	73.950.995.115
Đầu tư ngắn hạn	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	176.337.954.237	-	176.337.954.237
Đầu tư dài hạn	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	290.288.949.352	2.500.000.000	292.788.949.352

01/01/2013	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.062.807.404	-	64.062.807.404
Đầu tư ngắn hạn	36.631.160.000	-	36.631.160.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	144.730.160.571	-	144.730.160.571
Đầu tư dài hạn	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	245.424.127.975	2.500.000.000	247.924.127.975

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

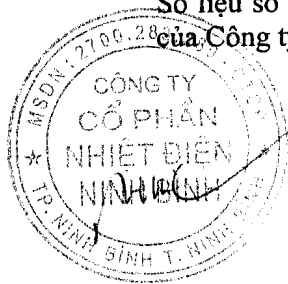
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29 BÁO CÁO CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐIỆN THEO YẾU TỐ

STT	Nội dung	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1.	Nhiên liệu	584.876.358.742	367.884.270.170
2.	Vật liệu	14.685.690.676	12.633.019.637
3.	Lương và bảo hiểm xã hội	122.915.538.248	121.736.439.930
	- Lương công nhân viên	114.562.159.000	112.286.259.983
	- Các khoản bảo hiểm trích theo lương	8.353.379.248	9.450.179.947
4.	Khấu hao tài sản cố định	7.954.065.413	8.115.875.101
5.	Các khoản dịch vụ mua ngoài	2.690.261.846	2.787.987.391
	- Điện dùng nội bộ	100.395.417	227.714.315
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	2.589.866.429	2.560.273.076
6.	Chi phí sửa chữa lớn	47.166.532.462	36.332.455.480
	- Sửa chữa lớn thuê ngoài	15.366.014.709	7.065.893.251
	- Sửa chữa lớn tự làm	31.800.517.753	29.266.562.229
7.	Chi phí phát triển khách hàng	-	-
8.	Chi phí bằng tiền khác	36.168.707.602	29.892.911.057
	- Thuế tài nguyên	1.171.751.960	1.203.557.200
	- Phí môi trường rừng	-	-
	- Thuế đất	996.711.000	996.711.000
	- Ăn ca	6.436.407.000	6.522.767.000
	- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	15.111.000	-
	- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	339.103.904	(232.315.873)
	- Chi phí khác	27.193.064.573	21.401.248.578
	- Chi phí lãi vay	9.444.445	-
	- Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	7.113.720	943.152
	Tổng cộng	816.457.154.989	579.382.958.766

30 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty đã được kiểm toán.



Đỗ Hoàng Khôi
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Lương Thị Nguyệt
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Lương Thị Thúy
Người lập